

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Bà Trần Thị Ngọc Lan.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST - TCDS ngày 28/3/2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố B, đường Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1970; nơi đăng ký cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang chấp hành án tại Trại giam N1, Cục C1, Bộ C2; địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Trần Quang N đã tự thỏa thuận, thống nhất ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị L trả đất đã mượn của bà Hoàng Thị C cho thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị C, trong đó có ông Trần Quang N. Ông Trần Quang N trả tiền công tôn tạo tài sản trên đất cho ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị L với số tiền 30.306.160 đồng.

2.2. Ông Trần Quang N và thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị C có quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 316, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10) tại thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Q (nay là thị xã B) cấp ngày 13 tháng 7 năm 1994 mang tên bà Hoàng Thị C.

2.3. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 5.000.000 đồng, đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 số tiền, tương ứng 2.500.000 đồng. Ông Trần Quang N đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng trong quá trình giải quyết nên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng cho ông Trần Quang N.

2.4. Về án phí: Số tiền án phí không có giá ngạch 300.000 đồng, đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 số tiền, tương ứng 150.000 đồng. Ông Trần Quang N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003299 ngày 28/3/2024 nên được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp. Ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị L chịu nộp 150.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức